TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 420/2018/DS-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang

2. Bà Lê Thị Tố Nữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lư Gia L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 100/18 đường T, Phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh L1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/9/2017) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông La A C, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 77/46 đường C, phường B, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2017, các bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh L1 trình bày:

Từ ngày 06/9/2016 đến ngày 14/02/2017 ông La A C vay tiền của bà Lư Gia L 4 lần với mục đích tiêu xài cá nhân; các bên có lập giấy nợ, cụ thể như sau:

- Ngày 06/9/2016 ông C vay 50.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn trả nợ hạn chót vào ngày 06/10/2016.

- Ngày 09/02/2017 ông C vay 30.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn trả nợ hạn chót vào ngày 09/3/2017.

- Ngày 10/02/2017 ông C vay 30.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn trả nợ hạn chót vào ngày 20/02/2017.

- Ngày 14/02/2017 ông C vay 20.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn trả nợ hạn chót vào ngày 01/3/2017.

Tổng số tiền ông C vay của bà L là 130.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có lập Giấy mượn tiền có chữ ký tên hoặc điểm chỉ của ông C. Tuy nhiên quá thời hạn trả nợ, ông C không trả cho bà L số tiền nêu trên.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông C trả cho bà L số tiền vốn gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi tiền lãi tính đến ngày 05/9/2017 là 7.847.500 đồng; trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông La A C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông C không đến do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến và thu thập chứng cứ của ông C.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 77/46 đường C, phường B, quận B, Thành phố H. Theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông La A C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 77/46 đường C, phường B, quận B, Thành phố H, nhưng đã bán nhà chuyển về địa chỉ 77/42 đường C, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; và đã bỏ địa phương đi đâu

không rõ từ tháng 3/2017 đến nay. Như vậy, tại thời điểm thụ lý vụ án, ông C không cư trú tại địa chỉ: 77/46 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và cũng không còn cư trú tại địa chỉ 77/42 đường C, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án không xác định được địa chỉ nơi ông C đang thực tế cư trú. Ông C đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bà L biết là vi phạm hợp đồng. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Tòa án xác định địa chỉ số 77/42 đường C, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 24/4/2018 và 08 giờ 00 phút ngày 22/5/2018, ông La A C đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do. Ngày 10/4/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C và bà L1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào các giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp vào các ngày 06/9/2016, ngày 09/02/2017; ngày 10/02/2017; ngày 14/02/2017. Tất các giấy mượn tiền đều có ký tên hoặc điểm chỉ của ông La A C.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ…..thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được….để giải quyết vụ án.

Các chứng cứ nêu trên, nguyên đơn đã cung cấp bản chính để Tòa án xem xét, kiểm tra và đối chiếu đúng bản chính.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Các thông báo trên đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng

cứ chứng minh đã trả số tiền vốn và lãi nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Ông La A C có vay tiền của bà Lư Gia L nhiều lần, theo các giấy mượn tiền vào các ngày 06/9/2016, ngày 09/02/2017; ngày 10/02/2017; ngày 14/02/2017; tổng số tiền ông C vay của bà L là 130.000.000 đồng. Bà L cam đoan kể từ khi nhận tiền vay cho đến nay ông C chưa trả cho bà L.

Khi đến hạn, ông C lần lượt vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn được quy định tại các giấy mượn tiền trên. Bà L yêu cầu ông C trả một lần số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện (ngày 05/9/2017) là 137.847.500 đồng. Trong đó, tiền gốc là 130.000.000 đồng; và tiền lãi suất được tính là 9%/năm theo từng giấy nợ, tính đến 05/9/2017 với tổng số tiền lãi suất chậm trả là 7.847.500 đồng. Việc bà L yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm, tính đến ngày khởi kiện (ngày 05/9/2017) là trong giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu của bà L về việc trả nợ gốc, lãi suất như trên là phù hợp với các quy định tại khoản 1, 3,4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Yêu cầu khởi kiện của bà Lư Gia L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.446.188^{đ} (ba triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi tám đồng).

Ông La A C phải chị án phí dân sự sơ thẩm là 6.892.375^{đ} (sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lư Gia L về việc yêu cầu ông La A C trả nợ.

2. Buộc ông La A C có nghĩa vụ trả cho bà Lư Gia L số tiền là 137.847.500 đ (một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), bao gồm: Nợ gốc: 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất là 7.847.500đ (bảy triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông La A C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.892.375đ (sáu triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Trả lại cho bà Lư Gia L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.446.188đ (ba triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2007/0001261 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

5- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận BìnhTân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Em